

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D1
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D1, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1989. Thường trú: khu phố T1, phường T, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1987. Thường trú: khu phố T1, phường T, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Mạnh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện P1, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/9/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu phố T1, phường T, thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, từ ngày 08 tháng 8 năm 2019 ông H bị Công bắt tạm giam sau đó bị Tòa án nhân dân thành phố T1 xét xử về tội “Rửa tiền”. Hiện nay, ông H đang chấp hành án tại trại giam An Phước, huyện P1, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc, sau khi sinh con thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Lúc đầu bà A có thỉnh thoảng vào trại giam thăm ông H, tuy nhiên từ tháng 5/2021 đến nay do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên bà A không đi thăm ông H được nữa. Tuy nhiên, hiện nay bà A cũng không đi thăm hay gửi đồ cho ông H nữa vì bà A không còn tình cảm với ông H. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà A đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Từ năm 2017 đến khi bị bắt vào tháng 8/2019, ông H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm tới vợ con, bà A cũng không biết ông H đi đâu, thỉnh thoảng ông H có ghé về thăm con khoảng một đến hai giờ lại tiếp tục đi tiếp, hai vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà A không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Bà A yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Đức V1, sinh ngày 08/8/2013, không yêu cầu ông Trần Mạnh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà A làm nghề giáo viên cấp tiểu học, thu nhập hàng tháng theo lương hợp đồng và tiền dạy thêm của bà A bình quân hàng tháng khoảng 13.000.000 đồng nên bà A có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu V1. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà An không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Tại Bản tự khai ngày 23/3/2022 bị đơn ông Trần Mạnh H trình bày:*

Hiện nay, ông H đang chấp hành bản án hình sự của Tòa án nhân dân Thành phố T1, tỉnh Bình Dương với hình phạt 8 năm tù về tội rửa tiền. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A ông H có ý kiến như sau: Ông H và bà A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28/09/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện P1, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng có hạnh phúc nhưng cho tới năm 2015 đến năm 2019 ông H và vợ có xảy ra mâu thuẫn với nhau, hai vợ chồng có nhiều quan điểm không hòa hợp dẫn tới bất đồng và hay xảy ra cãi vã. Đã nhiều lần ông H và vợ cố gắng nhưng không thể hòa hợp được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Quá trình ông H bị tạm giam và thi hành án 3 năm qua bà A cũng không tới thăm gặp và không cho ông H gặp con cũng không lên hỏi thăm sức khỏe của ông H. Bà A không còn tình cảm gì với ông H nên ông H đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy A. Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà An có 01 con chung là Trần Đức V1 sinh ngày 08/8/2013. Do hiện nay ông H đang chấp hành bản án 8 năm về tội rửa tiền nên không có khả năng cấp dưỡng và nuôi cháu V1 nên đồng ý giao cháu V1 cho bà An nuôi dưỡng và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H đề nghị bà An tạo điều kiện cho ông H được thăm cháu V1 vì trong quá trình ông H chấp hành án ông H rất thương và nhớ con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung:

Không có. Ngoài ra, sau khi ông H chấp hành án xong mong bà An phải tạo điều kiện cho ông H được gần gũi chăm sóc giáo dục con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà An và ông H là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Trần Mạnh H. Bà An và ông H cùng thường trú tại khu phố T1, phường T, thành phố D1, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A và bị đơn ông Trần Mạnh H vắng mặt, đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà An và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện P1, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/9/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà An và ông H xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông H đã trầm trọng nên việc bà An yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà A và ông H có 01 con chung tên Trần Đức V1, sinh ngày 08/8/2013, bà A không yêu cầu ông Trần Mạnh H phải cấp dưỡng nuôi

con. Xét thấy, cháu V1 đang sống chung với bà A và có nguyện vọng sống với bà A, bà A có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình thường. Ngoài ra, hiện nay ông H đang phải chấp hành bản án hình sự tại trại giam An Phước nên không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu V1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A đối với ông Trần Mạnh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với ông Trần Mạnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2012 quyền số 01/2012 ngày 28/9/2012 do Ủy ban nhân dân xã A1, huyện P1, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao con chung Trần Đức V1, sinh ngày 08/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003384 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D1 (01);
- Chi cục THADS thành phố D1 (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã A1, huyện P1, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên